

XÂY DỰNG NĂNG LỰC CÔNG DÂN SỐ - NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG XÃ HỘI HỌC TẬP

Nguyễn Thị Thanh Hương¹, Nguyễn Thị Tâm¹

Email: ntthuong14@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 20/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 10/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.817

Tóm tắt: Bài báo này tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về việc xây dựng năng lực công dân số như một nền tảng cho phát triển bền vững trong xã hội học tập. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu (desk review) kết hợp phân tích định tính so sánh, dựa trên các nguồn từ Council of Europe (2021), Ủy ban châu Âu (DigComp 2.2) và chính sách chuyển đổi số của Việt Nam. Kết quả cho thấy năng lực công dân số bao gồm năm nhóm kỹ năng cốt lõi: hiểu biết dữ liệu, giao tiếp - hợp tác số, sáng tạo nội dung, an toàn số và giải quyết vấn đề. Việt Nam đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong giáo dục và phổ cập kỹ năng số, song vẫn tồn tại khoảng cách số giữa các vùng miền và nhóm dân cư. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các giải pháp chiến lược như: xây dựng khung năng lực công dân số quốc gia, tích hợp vào giáo dục chính quy, mở rộng đào tạo kỹ năng số cho người lao động, phát triển nền tảng học tập cộng đồng mở và tăng cường hợp tác công - tư. Nghiên cứu khẳng định phát triển công dân số toàn diện là điều kiện then chốt để hình thành xã hội học tập số và hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: công dân số, chuyển đổi số, năng lực số, phát triển bền vững, xã hội học tập số

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang trở thành động lực trung tâm của phát triển kinh tế - xã hội trên toàn cầu. Những thay đổi nhanh chóng về công nghệ số không chỉ định hình lại mô hình sản xuất, quản trị và kinh doanh mà còn tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong đời sống văn hóa, giáo dục và phương thức học tập của con người. Trước xu thế đó, việc hình thành một xã hội học

tập số, nơi mọi người có thể tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi, trở thành yêu cầu tất yếu của quá trình phát triển bền vững.

Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ không phải là yếu tố duy nhất quyết định thành công của chuyển đổi số. Năng lực của công dân trong việc sử dụng, khai thác và sáng tạo trong môi trường số mới là nền tảng quan trọng bảo đảm tính bền vững. Khái niệm “công dân số” (digital citizen) vì thế

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

được các tổ chức quốc tế như Council of Europe, OECD và Liên minh châu Âu đặc biệt quan tâm, xem đây là năng lực cốt lõi của con người trong kỷ nguyên số.

Bài nghiên cứu này hướng tới làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của năng lực công dân số, xác định các nhóm năng lực cốt lõi theo khung Council of Europe (2021), và DigComp 2.2 của EU, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa năng lực công dân số và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Điểm mới của nghiên cứu nằm ở việc tổng hợp khung lý thuyết quốc tế, đối chiếu thực tiễn Việt Nam, đề xuất công cụ vận hành và hệ thống chỉ báo đo lường năng lực công dân số. Kết quả dự kiến sẽ cung cấp luận cứ khoa học và khuyến nghị chính sách nhằm phát triển công dân số toàn diện, góp phần hình thành xã hội học tập số bền vững tại Việt Nam.

Bài báo kỳ vọng đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn cho quá trình hoạch định chính sách, thiết kế chương trình giáo dục, cũng như nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của công dân số trong thời đại mới.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm công dân số

Khái niệm công dân số (digital citizen) xuất hiện vào cuối thế kỷ XX. Ban đầu, thuật ngữ này chỉ những cá nhân biết sử dụng công cụ kỹ thuật số phục vụ học tập, làm việc và giao tiếp.

Theo thời gian, phạm vi khái niệm mở rộng hơn, bao gồm cả ý thức đạo đức, trách nhiệm xã hội và năng lực học tập suốt đời.

Theo Council of Europe (2021), công dân số là những cá nhân “sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, an toàn và sáng tạo để tham gia đầy đủ vào các hoạt

động xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị trong thế giới số.” Định nghĩa này không chỉ đề cập kỹ năng sử dụng công nghệ mà còn nhấn mạnh vai trò của đạo đức số và sự tham gia tích cực trong cộng đồng mạng.

Trong khi đó, European Commission (2022) thông qua khung DigComp 2.2 xác định năm nhóm năng lực cốt lõi của công dân số: (1) hiểu biết và quản lý dữ liệu, (2) giao tiếp và hợp tác trực tuyến, (3) sáng tạo nội dung số, (4) an toàn và bảo mật thông tin, (5) giải quyết vấn đề bằng công cụ số. Các năng lực này được xem là tiêu chuẩn quan trọng giúp cá nhân thích ứng với xã hội học tập số.

Ngoài kỹ năng, công dân số cần có tư duy phản biện, tôn trọng quyền riêng tư, tuân thủ pháp luật số và hành xử văn minh trong không gian mạng.

Tại Việt Nam, khái niệm công dân số được đề cập trong nhiều chiến lược chuyển đổi số quốc gia (Government of Vietnam, 2020), nhấn mạnh vai trò của người dân trong học tập suốt đời và tham gia xã hội số.

Như vậy, công dân số không chỉ là người biết dùng công nghệ, mà là người làm chủ công nghệ một cách có trách nhiệm, sáng tạo và nhân văn - nền tảng để hình thành một xã hội học tập số bền vững và bình đẳng.

2.2. Khung công dân số của Council of Europe (2021) - Digital Citizenship Education Handbook

Theo Council of Europe (2021) công dân số không chỉ là người có kỹ năng công nghệ, mà là cá nhân có năng lực toàn diện, kết hợp giữa tri thức, hành vi và giá trị nhân văn.

Khung giáo dục công dân số xác định năm lĩnh vực cốt lõi:

(1) Tham gia tích cực vào đời sống xã hội và học tập;

(2) Đảm bảo an toàn, bảo mật và nhận diện rủi ro trực tuyến;

(3) Hiểu rõ quyền và trách nhiệm số;

(4) Thực hành đạo đức, tôn trọng đa dạng và văn hóa số;

(5) Học tập suốt đời, liên tục phát triển kỹ năng số.

Khung này hướng tới hình thành công dân có trách nhiệm, sáng tạo và nhân văn, biết sử dụng công nghệ để đóng góp cho cộng đồng và thúc đẩy xã hội học tập số bền vững.

2.3. *Mối liên hệ với phát triển bền vững (SDGs)*

Năng lực công dân số có vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, góp phần thúc đẩy tiến bộ trên ba trụ cột: giáo dục, kinh tế và xã hội.

Trước hết, ở góc độ giáo dục (SDG 4), kỹ năng số giúp người học tiếp cận tri thức linh hoạt, bình đẳng hơn, đặc biệt hỗ trợ nhóm yếu thế và khu vực nông thôn. Trong kinh tế (SDG 8), công dân số có khả năng tham gia thị trường lao động số, đáp ứng yêu cầu nhân lực mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Với SDG 9, năng lực số giúp cá nhân góp phần phát triển công nghiệp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật hiện đại và chuyển đổi số doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công dân số còn hỗ trợ SDG 17 bằng cách kết nối, hợp tác và chia sẻ tri thức trên nền tảng toàn cầu. Công dân có đạo đức và trách nhiệm số cũng góp phần thực hiện SDG 10, 11 và 12, thông qua giám sát bình đẳng, phát triển đô thị và tiêu dùng bền vững.

Tại Việt Nam, mục tiêu xây dựng công dân số đã được lồng ghép trong

Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia, coi đây là giải pháp trọng tâm để phát triển kinh tế số gắn với công bằng xã hội.

Như vậy, công dân số vừa là sản phẩm của kỷ nguyên số, vừa là động lực giúp đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, hướng tới một xã hội hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

2.4. *Các giải pháp chiến lược được đề xuất*

• Xây dựng Khung năng lực công dân số quốc gia:

Ban hành bộ tiêu chuẩn năng lực số thống nhất, tham chiếu các khung quốc tế (Council of Europe, 2021; European Commission, 2022). Khung cần chia thành nhiều cấp độ (cơ bản - trung cấp - nâng cao), phù hợp với học sinh, sinh viên, người lao động và cộng đồng, đóng vai trò công cụ đánh giá, đào tạo và hoạch định chính sách dài hạn.

• Tích hợp công dân số vào giáo dục chính quy:

Đưa kỹ năng số, an toàn thông tin, tư duy phản biện và đạo đức số vào chương trình từ tiểu học đến đại học. Khuyến khích các trường xây dựng học phần “Digital Citizenship” hoặc lồng ghép vào các môn hiện hữu như Tin học, Giáo dục công dân.

• Mở rộng đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động:

Tổ chức đào tạo lại (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) gắn với nhu cầu thị trường lao động số (OECD, 2019; World Bank, 2021), chú trọng nhóm dễ bị bỏ lại phía sau như lao động nông thôn, người lớn tuổi, lao động phi chính thức.

• Phát triển nền tảng học tập cộng đồng mở:

Xây dựng cổng học tập trực tuyến miễn phí, thân thiện, đa ngôn ngữ và hỗ

trợ người khuyết tật. Khuyến khích phong trào “học tập suốt đời” thông qua tài nguyên mở (OER).

• **Tăng cường hợp tác công - tư (PPP):**

Thúc đẩy doanh nghiệp đồng hành trong đào tạo, chia sẻ tài nguyên và phát triển hạ tầng số, trong khi Nhà nước hỗ trợ về chính sách, khung pháp lý và khuyến khích đầu tư vào giáo dục số. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và huy động nguồn lực (ITU, 2020).

Những giải pháp này góp phần thu hẹp khoảng cách số, hình thành hệ sinh thái công dân số toàn diện, bảo đảm tính bình đẳng, bền vững và hội nhập trong xã hội học tập số.

2.5. Hệ thống chỉ báo và công cụ đo lường năng lực công dân số

Để vận hành khung năng lực công dân số một cách khả thi trong thực tiễn, cần xác định rõ hệ thống chỉ báo và tiêu chí đánh giá định lượng. Các tổ chức quốc tế như Council of Europe (2021) và European Commission (2022) đã xây dựng những công cụ đo lường chuẩn hóa giúp đánh giá mức độ thành thạo năng lực số của cá nhân.

(1) Hệ thống chỉ báo (Indicators):

Theo khung DigComp 2.2 (European Commission, 2022), năng lực công dân số được chia thành 5 lĩnh vực

- 21 chỉ báo thành phần. Mỗi lĩnh vực có thể được lượng hóa thông qua các chỉ báo hành vi cụ thể:

• *Thông tin và dữ liệu (Information & Data Literacy)*: Tìm kiếm, đánh giá và quản lý thông tin.

• *Giao tiếp và hợp tác (Communication & Collaboration)*: Tương tác, chia sẻ, tham gia cộng đồng trực tuyến.

• *Sáng tạo nội dung số (Digital Content Creation)*: Phát triển, chỉnh sửa và tôn trọng bản quyền nội dung.

• *An toàn số (Safety)*: Bảo vệ dữ liệu cá nhân, thiết bị, sức khỏe và môi trường mạng.

• *Giải quyết vấn đề (Problem Solving)*: Sử dụng công nghệ để đổi mới và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Mỗi chỉ báo có thể được đo bằng các tiêu chí hành vi như tần suất, mức độ độc lập, và hiệu quả sử dụng công cụ số. Việc xác định chỉ báo và công cụ đo lường năng lực công dân số giúp đánh giá mức độ phát triển kỹ năng số của cá nhân và cộng đồng (OECD, 2019; ITU, 2020)

(2) Tiêu chí thang đo (Measurement Scales):

Theo DigComp Self-Assessment Tool của EU và khuyến nghị UNESCO Digital Competency Framework, thang đo thường chia thành 3 mức:

Bảng 1. Tiêu chí thang đo

Mức độ	Mô tả năng lực	Ví dụ hành vi
Cơ bản (Foundation)	Có thể thực hiện nhiệm vụ đơn giản với hướng dẫn	Tìm kiếm thông tin cơ bản trên Internet
Trung cấp (Intermediate)	Tự chủ trong việc sử dụng và phối hợp công cụ số	Tạo nội dung số, chia sẻ tài nguyên học tập
Nâng cao (Advanced)	Tư duy phản biện, sáng tạo, hỗ trợ người khác	Thiết kế khóa học trực tuyến hoặc hướng dẫn cộng đồng số

Bộ thang đo này có thể được nội địa hóa cho Việt Nam theo nhóm đối tượng (học sinh, sinh viên, người lao động, cộng đồng).

(3) Các công bố có công cụ đo lường tham chiếu:

Một số nghiên cứu và công cụ quốc tế có thể được trích dẫn để đối chiếu và phát triển thang đo tại Việt Nam:

- *Council of Europe (2021). Digital Citizenship Education Handbook* - mô tả 10 lĩnh vực năng lực với bộ chỉ báo chi tiết.

- *European Commission (2022). DigComp 2.2* - cung cấp bảng 21 chỉ báo có mô tả hành vi cụ thể.

- *ITU (2020). Measuring Digital Development: Facts and Figures* - khung chỉ báo ICT toàn cầu.

- *OECD (2019). Skills Outlook 2019* - chỉ báo về năng lực kỹ thuật số trong lực lượng lao động.

(4) Đề xuất vận dụng tại Việt Nam:

Bài báo kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo phát triển bộ công cụ đánh giá năng lực công dân số quốc gia, dựa trên DigComp 2.2 và điều chỉnh theo đặc thù Việt Nam. Công cụ này cần bao gồm:

(1) Bảng chỉ báo hành vi cho từng nhóm đối tượng (học sinh, sinh viên, người lao động).

Bảng 2. Chỉ báo hành vi đánh giá năng lực công dân số theo nhóm đối tượng

Lĩnh vực năng lực	Học sinh phổ thông	Sinh viên đại học	Người lao động
1. Hiểu biết và xử lý thông tin (Information & Data Literacy)	Tìm kiếm thông tin học tập cơ bản trên Internet, biết phân biệt nguồn tin chính thống	Phân tích, tổng hợp, đánh giá độ tin cậy của dữ liệu học thuật và truyền thông số	Ứng dụng dữ liệu trong công việc (báo cáo, phân tích, lập kế hoạch), tuân thủ quy định bảo mật thông tin
2. Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số (Communication & Collaboration)	Tham gia diễn đàn học tập, nhóm lớp trực tuyến có trách nhiệm	Sử dụng email, nền tảng học tập số, mạng xã hội học thuật để trao đổi học thuật chuyên nghiệp	Hợp tác làm việc nhóm qua nền tảng số (Zoom, Teams), quản lý giao tiếp chuyên nghiệp và tôn trọng quyền riêng tư
3. Sáng tạo và chia sẻ nội dung số (Digital Content Creation)	Biết tạo sản phẩm học tập số (slide, video ngắn, bài trình bày)	Thiết kế nội dung sáng tạo (infographic, video học tập, khóa học mini) có trích nguồn và bản quyền	Phát triển nội dung số trong công việc (quảng bá, đào tạo nội bộ, chia sẻ chuyên môn) phù hợp chuẩn đạo đức nghề nghiệp
4. An toàn và đạo đức số (Safety & Digital Ethics)	Biết tạo mật khẩu an toàn, không chia sẻ thông tin cá nhân	Hiểu và tuân thủ luật an ninh mạng, sử dụng thông tin minh bạch trong học tập và nghiên cứu	Thực hành an toàn dữ liệu doanh nghiệp, nhận diện rủi ro bảo mật và tin giả trong công việc
5. Giải quyết vấn đề và học tập suốt đời (Problem Solving & Lifelong Learning)	Biết sử dụng công cụ học tập trực tuyến để giải quyết bài tập và tự học	Tự học qua nền tảng mở (MOOCs, Coursera, K12Online), sáng tạo giải pháp số trong học tập	Ứng dụng công nghệ để cải tiến quy trình làm việc, cập nhật kỹ năng mới qua khóa học số định kỳ

- Mỗi chỉ báo hành vi có thể được đo theo 3 mức độ năng lực:

- *Cơ bản* - Thực hiện với hướng dẫn.

- *Trung cấp* - Tự chủ, thường xuyên.

- *Nâng cao* - Có khả năng hướng dẫn người khác, sáng tạo ứng dụng mới.

- Cơ sở để đánh giá có thể dựa trên bảng hỏi tự đánh giá (self-assessment)

(2) Bộ câu hỏi tự đánh giá (self-assessment).

Mục đích: Đánh giá mức độ năng lực công dân số của cá nhân (học sinh, sinh viên, người lao động) dựa trên hành vi và kỹ năng thực tế

Bảng 3. Bộ câu hỏi tự đánh giá năng lực công dân số

STT	Nhóm năng lực số	Câu hỏi tự đánh giá hành vi	Thang đo năng lực (1-5): 1-Chưa biết, 2-Biết cơ bản, 3 -Thực hiện độc lập, 4-Thành thạo, 5-Hướng dẫn người khác
1	Hiểu biết và xử lý thông tin	Tôi có thể tìm kiếm thông tin trực tuyến một cách hiệu quả và chọn lọc nguồn đáng tin cậy.	1 2 3 4 5
		Tôi biết cách kiểm tra tính xác thực của thông tin trước khi sử dụng hoặc chia sẻ.	1 2 3 4 5
2	Giao tiếp và hợp tác số	Tôi sử dụng nền tảng số (Teams, Meet, Zalo...) để làm việc và học tập nhóm hiệu quả.	1 2 3 4 5
		Tôi tuân thủ nguyên tắc tôn trọng, văn minh và bảo vệ quyền riêng tư khi tương tác trực tuyến.	1 2 3 4 5
3	Sáng tạo nội dung số	Tôi có thể tạo, chỉnh sửa và chia sẻ nội dung số (văn bản, hình ảnh, video, bài trình bày).	1 2 3 4 5
		Tôi hiểu và tôn trọng quyền tác giả, bản quyền khi sử dụng tài nguyên trực tuyến.	1 2 3 4 5
4	An toàn và đạo đức số	Tôi biết cách bảo mật tài khoản, sử dụng mật khẩu mạnh và tránh nguy cơ lừa đảo trực tuyến.	1 2 3 4 5
		Tôi hành xử có trách nhiệm, không chia sẻ thông tin sai lệch, tin giả hoặc nội dung gây hại trên mạng.	1 2 3 4 5
5	Giải quyết vấn đề và học tập suốt đời	Tôi thường xuyên sử dụng công nghệ để giải quyết vấn đề học tập hoặc công việc.	1 2 3 4 5
		Tôi chủ động học hỏi kỹ năng số mới qua các khóa học hoặc nền tảng học tập trực tuyến.	1 2 3 4 5

Hướng dẫn sử dụng:

- Mỗi cá nhân tự chấm điểm 1-5 cho từng câu hỏi.
- Tính tổng điểm → đối chiếu bảng diễn giải để xác định mức năng lực công dân số.
- Kết quả có thể dùng để đánh giá ban đầu, thiết kế khóa bồi dưỡng kỹ năng số hoặc làm công cụ nghiên cứu thực nghiệm.

Bảng 4. Cách tính điểm và diễn giải

Tổng điểm (10-50)	Mức năng lực	Mô tả hành vi điển hình
10 - 20	Cơ bản (Foundation)	Có kiến thức, kỹ năng ban đầu; cần hướng dẫn trong hầu hết hoạt động số.
21 - 35	Trung cấp (Intermediate)	Tự chủ trong sử dụng công cụ số; hợp tác, học tập và làm việc hiệu quả trực tuyến.
36 - 50	Nâng cao (Advanced)	Thành thạo, chủ động sáng tạo nội dung số; hỗ trợ, hướng dẫn người khác và đổi mới trong môi trường số.

(3) Cơ chế định kỳ cập nhật dữ liệu để theo dõi tiến trình nâng cao năng lực số cộng đồng.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp tổng quan tài liệu (desk review) kết hợp phân tích định tính so sánh nhằm tổng hợp cơ sở lý luận và thực tiễn về năng lực công dân số.

(1) Nguồn dữ liệu: Các tài liệu được thu thập từ ba nhóm nguồn chính:

- Tài liệu quốc tế: báo cáo, khung năng lực và hướng dẫn của Council of Europe (2021), European Commission (2022), OECD (2019).

- Tài liệu quốc gia: Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia 2020 (Government of Vietnam, 2020) và các công trình nghiên cứu trong giai đoạn 2019-2024 (Vu, 2021; Nguyen, 2022).

(2) Tiêu chí lựa chọn tài liệu:

- Có nguồn gốc rõ ràng, được công bố bởi tổ chức uy tín hoặc tạp chí khoa học được phản biện.

- Phù hợp với mục tiêu nghiên cứu (liên quan đến công dân số, kỹ năng số, xã hội học tập hoặc phát triển bền vững).

- Có khả năng cung cấp dữ liệu so sánh hoặc mô hình tham chiếu.

(3) Quy trình phân tích:

- Giai đoạn 1 - Tổng hợp: Hệ thống hóa khái niệm, mô hình khung năng lực và chính sách trong từng nguồn.

- Giai đoạn 2 - So sánh: Đối chiếu cách tiếp cận giữa Việt Nam và các quốc gia (EU, Singapore, Hàn Quốc).

- Giai đoạn 3 - Đối chiếu và diễn giải: Rút ra các điểm tương đồng, khác biệt và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực tiễn tại Việt Nam

Tại Việt Nam, việc xây dựng năng lực công dân số được triển khai gắn với Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 “Government of Vietnam, 2020” định hướng đến 2030, với trọng tâm là phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Một số nghiên cứu gần đây tại Việt Nam cho thấy năng lực công dân số đang được chú trọng trong chương trình giáo dục và đào tạo (Vu, 2021; Nguyen, 2022)

Bộ Thông tin và Truyền thông đã khởi xướng nhiều chương trình như “Kỹ năng số cộng đồng”, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng nền tảng số trong đời sống và học tập.

Trong giáo dục, nhiều trường đại học và phổ thông đã đẩy mạnh học tập trực tuyến, thư viện số, lớp học thông minh, tạo điều kiện cho người học rèn luyện năng lực số.

Song song, các nền tảng học tập mở như MOOCs, ViettelStudy, K12Online góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức.

Tuy nhiên, khoảng cách số giữa các vùng miền và nhóm dân cư vẫn là thách thức cần giải quyết. Điều này đặt ra yêu cầu phải có chiến lược đồng bộ nhằm giảm bất bình đẳng số và nâng cao năng lực số cho toàn dân.

4.2. Kinh nghiệm quốc tế

Tại Singapore, chương trình *Digital Readiness Blueprint* (2018) tập trung trang bị kỹ năng số cơ bản, xây dựng văn hóa số và bảo đảm cơ hội tiếp cận công nghệ cho mọi công dân.

Liên minh châu Âu (EU) ban hành khung DigComp 2.2, trở thành chuẩn tham chiếu trong giáo dục, đào tạo và chính sách xã hội tại 27 quốc gia thành viên.

Hàn Quốc triển khai *Digital New Deal* hướng tới xã hội học tập số, nhấn mạnh bình đẳng trong tiếp cận công nghệ và giáo dục số.

Úc và Canada tập trung phát triển kỹ năng số gắn với thị trường lao động, đảm bảo an toàn và đạo đức trên không gian mạng. Điểm chung của các quốc gia này là sự phối hợp giữa nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng trong phát triển công dân số. Giáo dục số được xem là nền tảng, đi kèm với chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế để thu hẹp khoảng cách số.

Những kinh nghiệm này cung cấp gợi mở quan trọng cho Việt Nam trong việc xây dựng chiến lược phát triển công dân số toàn diện và bền vững (World Bank, 2021), hướng tới xã hội học tập và phát triển hài hòa trong kỷ nguyên số.

4.3. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định việc xây dựng công dân số không chỉ là nâng cao kỹ năng công nghệ mà còn là quá trình hình thành nhận thức, thái độ và trách nhiệm xã hội trong môi trường số.

Tại Việt Nam, dù đã có nhiều chính sách chuyển đổi số, khoảng cách số giữa các vùng miền và nhóm dân cư vẫn còn lớn. So với quốc tế, Việt Nam cần đưa giáo dục công dân số vào chương trình phổ thông và gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Bên cạnh đó, an toàn thông tin, đạo đức số và quyền riêng tư phải được xem là trụ cột song hành cùng phát triển kỹ năng. Kinh nghiệm của EU, Singapore và Hàn Quốc cho thấy hiệu quả khi có sự phối hợp giữa nhà nước - doanh nghiệp - cộng đồng. Việc thiết lập cơ chế đánh giá năng lực số thường xuyên là cần thiết để thích ứng với thay đổi công nghệ nhanh chóng. Công dân số đóng vai trò nền tảng của xã hội học tập số, góp phần thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

Nếu thiếu đầu tư, nguy cơ bất bình đẳng số và tụt hậu công nghệ sẽ ngày càng nghiêm trọng.

V. Kết luận

Nghiên cứu khẳng định năng lực công dân số là thành tố cốt lõi trong quá trình xây dựng xã hội học tập số và thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

Dựa trên khung lý thuyết của Council of Europe (2021), EU (DigComp 2.2) và các nghiên cứu gần đây, công dân số không chỉ là người sử dụng công nghệ, mà còn là người tư duy phản biện, học tập suốt đời, an toàn thông tin và có trách nhiệm xã hội. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy giáo dục số, chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế và hợp tác đa bên là yếu tố quyết định trong phát triển công dân số.

Tại Việt Nam, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đã tạo nền tảng quan trọng, song khoảng cách số giữa các vùng và nhóm dân cư vẫn là thách thức lớn.

Do đó, cần một chiến lược tổng thể và dài hạn, kết hợp cải cách giáo dục, phát triển hạ tầng và nâng cao nhận thức cộng đồng.

Nghiên cứu này góp phần củng cố cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hình thành công dân số tại Việt Nam (Council of Europe, 2021; OECD, 2019).

Tóm lại, xây dựng công dân số toàn diện - vừa có năng lực công nghệ, vừa có trách nhiệm văn hóa - xã hội - chính là nền tảng cho xã hội học tập số bền vững, hội nhập và bình đẳng trong kỷ nguyên số.

Tài liệu tham khảo

- [1] Council of Europe. (2021). *Digital citizenship education handbook*. Paris: UNESCO Publishing.
- [2] European Commission. (2022). *The Digital Competence Framework for*

- Citizens (DigComp 2.2)*. Luxembourg: Publications Office of the European Union.
- [3] Government of Vietnam. (2020). *National digital transformation program to 2025, orientation to 2030*. Hanoi: Government Portal.
- [4] International Telecommunication Union. (2020). *Measuring digital development: Facts and figures 2020*. Geneva: ITU Publications.
- [5] Ministry of Communications and Information. (2018). *Digital readiness blueprint*. Singapore: Government of Singapore.
- [6] Nguyen, T. H. (2022). *Digital citizenship competencies in Vietnamese higher education*. *Journal of Educational Science*, 28(4), 112-123.
- [7] OECD. (2019). *OECD skills outlook 2019: Thriving in a digital world*. Paris: OECD Publishing.
- [8] Vu, N. (2021). *Building digital competence in Vietnam: Challenges and policy recommendations*. *Journal of Education and Development*, 12(3), 45-58.
- [9] World Bank. (2021). *Digital skills for development in Southeast Asia*. Washington, DC: World Bank.

BUILDING DIGITAL CITIZENSHIP COMPETENCIES - A FOUNDATION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN A LEARNING SOCIETY

Nguyen Thi Thanh Huong², Nguyen Thi Tam²

Abstract: *This paper analyzes the theoretical and practical foundations for developing digital citizenship competencies as a basis for sustainable development in a learning society. The study employs a desk review combined with comparative qualitative analysis, drawing on sources from the Council of Europe (2021), the European Commission's DigComp 2.2 framework, and Vietnam's national digital transformation policies. Findings indicate that digital citizenship consists of five core competency groups: data literacy, digital communication and collaboration, content creation, digital safety, and problem solving. Vietnam has made significant progress in digital education and skill development; however, digital gaps among regions and population groups remain. Accordingly, the paper proposes strategic solutions including the development of a national digital citizenship competency framework, integration into formal education, expansion of digital skills training for the workforce, promotion of open community learning platforms, and strengthening of public-private partnerships. The study concludes that comprehensive digital citizenship development is essential for building a digital learning society and achieving sustainable development goals.*

Keywords: *digital citizenship, digital competence, digital learning society, digital transformation, sustainable development*

² Hanoi Open University